

Số: 6446/KH-UBND

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Luật Phòng bệnh ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BYT ngày 04/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá nhằm tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ Về việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân;

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-BYT ngày 06/5/2026 của Bộ Y tế, về việc Phê duyệt Kế hoạch triển khai nhiệm vụ khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân;

Căn cứ Quyết định số 1284/QĐ-BYT ngày 07/5/2026 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 06 tuổi;

Căn cứ Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 24/12/2025 của Tỉnh ủy Lâm Đồng thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Thông báo số 319-TB/TU ngày 27/4/2026 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc Thông báo Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy ngày 27/4/5026;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý;

Căn cứ Kế hoạch số 2884/KH-UBND ngày 06/3/2026 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 07-CTr/TU, ngày 24/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Quyết định 184/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa chủ trương của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Triển khai thực hiện mục tiêu mọi người dân Lâm Đồng đều được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất 01 lần/năm (*gọi chung là khám*) bắt đầu từ năm 2026.

- Thống nhất chủ trương, hành động và chỉ đạo việc phối hợp giữa sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm hoàn thành việc tạo lập Sổ sức khỏe điện tử cho 100% người dân, giúp quản lý sức khỏe liên tục theo vòng đời.

- Đảm bảo tài chính và nguồn lực địa phương để triển khai kế hoạch, đồng thời huy động sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị vào thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Chủ động giám sát, phát hiện sớm các bệnh không lây nhiễm và dịch bệnh mới nổi, từ đó đưa ra các giải pháp can thiệp kịp thời, giảm tỷ lệ tử vong và gánh nặng viện phí cho người dân; giúp mọi người dân được tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng một cách công bằng và bền vững.

2. Yêu cầu

- Người dân được tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới chăm sóc sức khỏe toàn diện, lấy phòng bệnh và phát hiện sớm làm trọng tâm từ năm 2026.

- Việc khám phải đảm bảo thống nhất về nội dung khám, thực hiện đúng các quy định về chuyên môn; tổ chức khoa học, hiệu quả, tránh lãng phí.

- Đảm bảo kết quả khám phải được tích hợp và cập nhật vào hồ sơ sức khỏe điện tử, giúp người dân tự quản lý thông tin sức khỏe cá nhân, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi người dân đến khám.

- Phối hợp khám được lồng ghép với các gói dịch vụ cơ bản vào sổ sức khỏe điện tử, giúp ngành Y tế quản lý sức khỏe toàn diện, tránh trùng lặp và tăng cường chủ động phòng bệnh.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần theo lộ trình và đối tượng ưu tiên, để chủ động phát hiện, dự phòng và điều trị bệnh sớm, giảm gánh nặng bệnh tật và chi phí y tế; tạo cơ sở dữ liệu quản lý sức khỏe quốc gia để quản lý sức khỏe, đảm bảo mỗi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe toàn diện, liên tục theo vòng đời.

2. Mục tiêu cụ thể¹:

- Ban hành đầy đủ văn bản, quy trình khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc, theo hướng dẫn của Bộ Y tế, bảo đảm triển khai thống nhất toàn tỉnh.

- 100% người dân Lâm Đồng được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần bắt đầu từ năm 2026; duy trì hằng năm đến năm 2030.

- Tất cả các đối tượng sau khi được khám sức khỏe hoặc khám sàng lọc đều được lập hồ sơ theo dõi và cập nhật vào hồ sơ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời.

- Tăng cường phối hợp liên ngành; huy động các lực lượng tham gia, tạo nền tảng duy trì, mở rộng từ năm 2026.

IV. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI

1. Đối tượng và lộ trình thực hiện

Dân số tỉnh Lâm Đồng: 3.872.999 người²

a) Năm 2026:

¹ Hằng năm, Sở Y tế chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương tham mưu phân bổ đối tượng, số lượng khám cho các đơn vị bảo đảm phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

² Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc Hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho 100% dân số, trong đó phần đầu tổ chức khám cho 50% dân số hoàn thành trong 6 tháng đầu năm, tập trung cho các nhóm đối tượng:

- Trẻ em dưới 6 tuổi; học sinh (từ đủ 6 tuổi đến 18 tuổi) đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và học viên đang học chương trình giáo dục phổ thông tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

- Người học đang theo học tại cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gọi tắt là sinh viên).

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội; người thử việc; người học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động; cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang Nhân dân ...theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 21 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

- Đối tượng bảo trợ xã hội và người đang được quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng và tại các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên.

- Ưu tiên thực hiện khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người mắc bệnh mãn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã đảo, đặc khu.

(Chi tiết đối tượng và kinh phí năm 2026 tại Phụ lục I kèm theo)

b) Năm 2027 - 2030

- Tiếp tục duy trì phần đầu thực hiện khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí đạt 100% dân số tỉnh Lâm Đồng.

2. Nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ: *(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).*

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp Chính quyền

- Quán triệt đầy đủ quan điểm “Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của toàn xã hội”; xác định công tác khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc và quản lý sức khỏe toàn dân là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành và của UBND cấp xã.

- Người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai Kế hoạch trong phạm vi quản lý; đưa chỉ tiêu khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc vào chương trình, kế hoạch công tác đơn vị, địa phương hằng năm.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong tổ chức chỉ đạo thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh theo đúng quy định của pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Tổ chức rà soát, đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn, vận động Nhân dân

- Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ: các Sở, ban ngành, cơ quan, UBND các xã, phường, đặc khu tổ chức rà soát, lập danh sách đối tượng cần phải khám thuộc diện quản lý, đang cư trú trên địa bàn để xây dựng kế hoạch tổ chức truyền thông, tư vấn, khám sức khỏe hoặc khám sàng lọc miễn phí.

- Tăng cường tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa và lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc phát hiện sớm bệnh tật và quản lý sức khỏe toàn dân.

- Công khai thông tin về các cơ sở tham gia khám sức khỏe, nội dung khám theo nhóm tuổi, hình thức đăng ký và thời gian tổ chức khám.

- Phối hợp các cơ quan báo chí, truyền thông, tổ chức đoàn thể tuyên truyền, vận động người dân chủ động tham gia khám sức khỏe định kỳ.

- Phát động các hoạt động khám sức khỏe, sàng lọc, truyền thông sức khỏe hưởng ứng các ngày lễ lớn trong năm: Ngày Sức khỏe toàn dân (7/4); Ngày Người Khuyết tật Việt Nam (18/4); Ngày Sức khỏe lao động và môi trường (7/5); Ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam (06/6); Ngày Dân số Thế giới (11/7); Ngày Quốc tế người cao tuổi (01/10); Ngày Quốc tế Người khuyết tật (03/12).

- Biểu dương, nhân rộng các mô hình hiệu quả, cách làm hay trong tổ chức khám sức khỏe và quản lý sức khỏe Nhân dân tại các địa phương.

3. Tổ chức triển khai đồng bộ hoạt động khám sức khỏe định kỳ theo nhóm đối tượng

- Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Trạm Y tế xã tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc, tư vấn dinh dưỡng và quản lý sức khỏe cho người dân theo từng nhóm đối tượng quy định tại Kế hoạch (người lao động; học sinh, sinh viên; người cao tuổi; các đối tượng yếu thế; người lao động không có hợp đồng lao động và các nhóm đối tượng khác), bảo đảm tuân thủ đúng quy định chuyên môn, phù hợp độ tuổi, giới tính, yếu tố nguy cơ và đặc thù của từng nhóm.

- Tổ chức thực hiện linh hoạt các hình thức khám (tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; tại trường học, tại đơn vị sử dụng lao động hoặc khám lưu động khi cần thiết), bảo đảm thuận tiện cho người dân tiếp cận dịch vụ, không bỏ sót đối tượng theo danh sách rà soát của địa phương và các cơ quan, đơn vị quản lý.

4. Tạo lập hồ sơ sổ sức khỏe điện tử cho người dân

Tập trung xây dựng và triển khai Sổ sức khỏe điện tử toàn dân trên cơ sở kế thừa, tối ưu hóa các nền tảng số hiện có tại các cơ sở y tế. Thực hiện chuẩn hóa hệ thống cơ sở dữ liệu sức khỏe định kỳ, đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật tuyệt đối nhằm quản lý, khai thác hiệu quả dữ liệu y tế theo vòng đời của mỗi người dân. Đồng thời, triển khai ứng dụng Hồ sơ sức khỏe cá nhân giúp người dân chủ động theo dõi, cập nhật thông tin y tế mọi lúc, mọi nơi. Toàn bộ

dữ liệu này phải được tích hợp đồng bộ vào kho dữ liệu ngành Y tế tỉnh và kết nối thông suốt với ứng dụng VNeID theo lộ trình quy định của Chính phủ và Bộ Y tế.

5. Bảo đảm nguồn lực triển khai thực hiện

- Huy động sự tham gia của các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cơ sở y tế công lập và ngoài công lập trong tổ chức khám sức khỏe toàn dân.

- Bảo đảm đủ nhân lực y tế cho tuyến cơ sở; tăng cường hỗ trợ chuyên môn, luân phiên cán bộ y tế từ tuyến trên về tuyến dưới.

- Huy động tối đa mọi cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia, bao gồm cả cơ sở công lập và ngoài công lập. Các bệnh viện, phòng khám đa khoa, cơ sở khám chữa bệnh đạt tiêu chuẩn chuyên môn sẽ được khuyến khích tham gia chương trình theo quy trình thống nhất và kết nối dữ liệu về hệ thống chung của tỉnh.

- Kết hợp ngân sách nhà nước với nguồn xã hội hóa, bảo hiểm y tế và các chương trình khám sức khỏe của cơ quan, doanh nghiệp theo quy định.

VI. KINH PHÍ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, kết hợp với nguồn quỹ bảo hiểm y tế; nguồn tài trợ, viện trợ, xã hội hóa; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có); đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục tiêu và không trùng lặp nguồn chi.

- Người sử dụng lao động chi trả kinh phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định pháp luật về lao động, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị có liên quan và UBND cấp xã chỉ đạo, tổ chức triển khai, điều phối thực hiện lộ trình khám sức khỏe đã nêu trong kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh, đảm bảo gắn kết, lồng ghép chặt chẽ với các đề án, kế hoạch khác có liên quan.

- Chủ động triển khai kế hoạch trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Sở Y tế. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các sở, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng lộ trình nhóm đối tượng ưu tiên được quỹ bảo hiểm y tế chi trả trong khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Hướng dẫn chuyên môn, nội dung gói khám sức khỏe, sàng lọc, quản lý sức khỏe theo từng nhóm đối tượng; hướng dẫn triển khai thực hiện các biểu mẫu, quy trình chuyên môn theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở y tế tổ chức thực hiện

hoạt động khám theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế và Sở Y tế; bảo đảm chất lượng chuyên môn, điều kiện về nhân lực, vật tư, thiết bị y tế, kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn cấp cứu (đặc biệt khi khám lưu động); thực hiện nhập dữ liệu vào phần mềm hồ sơ sức khỏe; trả kết quả khám, tư vấn, hướng dẫn khám chuyên khoa và chuyển tuyến theo quy định khi phát hiện các dấu hiệu sức khỏe bất thường.

- Chủ trì xây dựng và triển khai nền tảng quản lý sức khỏe toàn dân, đảm bảo lưu trữ dữ liệu khám sức khỏe định kỳ của người dân nhằm quản lý, khai thác hiệu quả dữ liệu sức khỏe người dân theo vòng đời. Kết nối, liên thông với hồ sơ sức khỏe điện tử trên ứng dụng Công dân số của tỉnh và kho dữ liệu của ngành Y tế.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành nền tảng số dùng chung của tỉnh; bảo đảm chuẩn hóa, liên thông, tích hợp dữ liệu với các hệ thống hiện có; quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu; tổ chức giám sát chất lượng dữ liệu và hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị tham gia; nghiên cứu, lựa chọn, đề xuất các giải pháp công nghệ phù hợp để xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả vận hành nền tảng số dùng chung của tỉnh; bảo đảm tính mở, khả năng tích hợp, liên thông, mở rộng và phát triển lâu dài.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông; phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các cơ quan báo chí tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tham gia; xây dựng tài liệu truyền thông, Sổ tay tư vấn, tầm soát bệnh và hướng dẫn chăm sóc sức khỏe theo vòng đời.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch này; kịp thời tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các nội dung phù hợp với tình hình thực tế trong quá trình triển khai thực hiện.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế và UBND tỉnh theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu.

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Chủ động phối hợp với Sở Y tế trong việc chia sẻ, cung cấp và khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu sẵn có của người dân tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế nhằm tránh trùng lặp về nhu cầu khám sức khỏe định kỳ của người dân và tránh lãng phí nguồn lực nhà nước và doanh nghiệp;

- Chi trả chi phí khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu lộ trình thực hiện phù hợp, bảo đảm an toàn quỹ bảo hiểm y tế theo các quy định.

3. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc chuẩn hóa, xác thực và làm sạch dữ liệu dân cư, phục vụ công tác định danh, quản lý đối tượng

và liên thông dữ liệu phục vụ triển khai Kế hoạch.

- Cung cấp nhân khẩu thực tế đang cư trú trên địa bàn (thường trú và tạm trú) theo từng độ tuổi, giới tính và đơn vị hành chính để ngành Y tế phân loại đối tượng khám.

- Chỉ đạo Công an cấp xã làm nòng cốt trong tổ công tác triển khai Kế hoạch Khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn.

- Phối hợp chặt chẽ với UBND cấp xã trong việc rà soát, cập nhật và thống nhất số liệu dân số trên địa bàn, bảo đảm tính chính xác, đồng bộ.

- Rà soát, lập danh sách và báo cáo đối tượng khám thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự tại các địa điểm tổ chức khám.

- Chỉ đạo các đơn vị tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, chiến sĩ; tổng hợp, báo cáo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp hướng dẫn việc cập nhật dữ liệu khám sức khỏe vào hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử (VNeID).

4. BCH quân sự Tỉnh

- Rà soát, lập danh sách và báo cáo đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

- Chỉ đạo tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, chiến sĩ; tổng hợp, báo cáo theo quy định.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì xây dựng dự toán kinh phí³ khám, kiểm tra sức khỏe cho học sinh và khám sức khỏe định kỳ cho sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện thực hiện định kỳ hằng năm theo năm học.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp với ngành Y tế chuẩn bị các điều kiện (bố trí địa điểm, phối hợp nhân lực, phân luồng...), bảo đảm an toàn trong quá trình tổ chức khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc bệnh tật học đường cho học sinh, sinh viên; bảo đảm triển khai đồng bộ, đúng quy định chuyên môn, phù hợp theo độ tuổi và đặc thù môi trường học đường.

- Tổ chức rà soát, cung cấp và cập nhật danh sách học sinh, sinh viên phục vụ xác định dân số mục tiêu; phối hợp trong công tác mời tham gia, nhắc lịch khám, quản lý kết quả và theo dõi sau khám; bảo đảm không bỏ sót đối tượng trong phạm vi quản lý.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe; lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản vị thành niên vào hoạt động giáo dục phù hợp; phối hợp

³ Kinh phí bao gồm các nội dung: tổ chức khám sức khỏe định kỳ và sàng lọc bệnh tật học đường; thực hiện các xét nghiệm cần thiết theo gói khám; tư vấn sức khỏe; nhập liệu, quản lý và cập nhật dữ liệu; công tác truyền thông, vận động; kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

vận động phụ huynh, người học tham gia đầy đủ các hoạt động khám sức khỏe theo kế hoạch.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn rà soát, lập danh sách người học thuộc phạm vi quản lý để tổ chức khám, kiểm tra sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ hằng năm; thông tin đầy đủ đến cha mẹ học sinh, người giám hộ theo quy định; phối hợp với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong việc quản lý, cập nhật và khai thác hồ sơ sức khỏe học sinh, sinh viên.

- Phối hợp với Sở Y tế trong việc chuẩn hóa nội dung khám sức khỏe học sinh, sinh viên; triển khai các mô hình chăm sóc sức khỏe học đường và các hoạt động chăm sóc, điều trị dự phòng; bảo đảm kết nối, cập nhật dữ liệu sức khỏe vào hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Phối hợp với ngành Y tế tiếp nhận kết quả khám, kiểm tra sức khỏe người học trên phần mềm; bảo đảm bảo mật thông tin sức khỏe và dữ liệu cá nhân; sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh, sinh viên; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai về Sở Y tế để phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- Phối hợp với Sở Tài chính trong việc thẩm định, bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch, hiệu quả và gắn với kết quả triển khai thực tế.

6. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh nghiêm túc thực hiện việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành của người sử dụng lao động trong việc rà soát, lập danh sách đối tượng và tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 21 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Rà soát, tổng hợp, báo cáo tình hình khám sức khỏe đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; tham mưu UBND tỉnh biện pháp xử lý đối với các trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, địa phương triển khai các hoạt động truyền thông, vận động nâng cao nhận thức của người dân về chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ và sàng lọc bệnh tật; gắn nội dung chăm sóc sức khỏe với xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao chất lượng sống của người dân.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân trên địa bàn tỉnh; tập trung tuyên truyền quyền lợi, trách nhiệm của người dân khi tham gia, lợi ích của việc phát hiện sớm bệnh tật và quản lý sức khỏe theo vòng đời, phù hợp với từng nhóm đối tượng và các cơ chế hỗ trợ theo quy định.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, sự kiện văn hóa, chiến dịch truyền thông theo chủ đề; khuyến khích xây dựng lối sống lành mạnh, tăng cường vận động thể lực, dinh dưỡng hợp lý và phòng, chống các yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm; đưa hoạt động khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc bệnh trở thành thói quen trong cộng đồng dân cư.

- Huy động các tổ chức, câu lạc bộ văn hóa, nghệ sĩ, vận động viên, người có uy tín trong cộng đồng tham gia truyền thông, vận động người dân; phát huy vai trò nêu gương, lan tỏa thông điệp tích cực về chủ động chăm sóc sức khỏe.

- Chỉ đạo lồng ghép nội dung tuyên truyền, giáo dục sức khỏe vào các phong trào, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa; phát huy vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, trung tâm văn hóa - thể thao, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng trong việc truyền thông, vận động người dân tham gia khám sức khỏe định kỳ và sàng lọc bệnh.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình của tỉnh; hệ thống thông tin cơ sở, truyền thanh các phường, xã, đặc khu phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí đẩy mạnh tuyên truyền về ý nghĩa, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc, góp phần nâng cao nhận thức, khuyến khích người dân chủ động tham gia; đồng thời tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tạo điều kiện để người lao động tham gia khám sức khỏe, khám sàng lọc theo quy định.

- Tham gia kiểm tra, giám sát việc triển khai các hoạt động truyền thông thuộc lĩnh vực phụ trách; định kỳ phối hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp, đánh giá hiệu quả chung của tỉnh.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh về định hướng, giải pháp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời triển khai các giải pháp công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn bảo đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định hiện hành về chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế.

- Chủ trì, phối hợp trong việc nghiên cứu, lựa chọn, đề xuất các giải pháp công nghệ phù hợp để xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả vận hành nền tảng số dùng chung của tỉnh; bảo đảm tính mở, khả năng tích hợp, liên thông, mở rộng và phát triển lâu dài.

- Tham mưu, đề xuất và tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ kế hoạch, bao gồm nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, hệ thống hỗ trợ ra quyết định, công cụ cảnh báo sớm nguy cơ bệnh tật và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

- Phối hợp Sở Y tế trong việc xây dựng, chuẩn hóa dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kết nối và chia sẻ dữ liệu; bảo đảm đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, hiệu quả sử dụng và khả năng triển khai trên diện rộng.

- Phối hợp với Sở Y tế tích hợp, kết nối và liên thông dữ liệu khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ công tác quản lý, theo dõi, phân tích và hoạch định chính sách y tế.

- Tham gia kiểm tra, giám sát việc triển khai các nội dung ứng dụng khoa học và công nghệ; phối hợp đánh giá hiệu quả ứng dụng công nghệ, đề xuất điều chỉnh, nâng cấp giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

9. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và tiến độ thực hiện theo từng giai đoạn; bảo đảm ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách và các đối tượng chính sách theo quy định.

- Hướng dẫn thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước và các văn bản có liên quan; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp nguồn chi.

- Kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh các khó khăn, vướng mắc về cơ chế tài chính để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

10. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành của người sử dụng lao động trong việc rà soát, lập danh sách đối tượng và tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; phối hợp tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất biện pháp xử lý đối với các trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ khám sức khỏe định kỳ cho người lao động làm việc tại các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh theo quy định.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Giữ vai trò chủ lực, trực tiếp trong công tác tuyên truyền, vận động, mời Nhân dân tham gia khám sức khỏe định kỳ; chỉ đạo huy động sự tham gia của tổ dân phố, khu phố, ban điều hành khu dân cư, các tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở để tiếp cận từng hộ gia đình, từng nhóm đối tượng, hướng dẫn người dân đăng ký và tham gia khám sức khỏe theo kế hoạch.

- Chỉ đạo rà soát, lập và cập nhật danh sách các nhóm đối tượng trên địa bàn để tổ chức khám sức khỏe: người dưới 18 tuổi không đi học, người cao tuổi, các nhóm đối tượng khác như: Người dân không ký hợp đồng lao động hoặc

không thuộc phạm vi quản lý của người sử dụng lao động (lao động tự do, buôn bán nhỏ, nông dân, ngư dân, nội trợ, ...) bảo đảm không bỏ sót đối tượng, ưu tiên các nhóm đối tượng nguy cơ cao.

- Bố trí, huy động các điều kiện cần thiết tại địa phương (địa điểm, thời gian, lực lượng hỗ trợ) để tổ chức các đợt khám sức khỏe phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, tạo thuận lợi tối đa cho người dân tham gia.

- Đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện đối với hoạt động khám sức khỏe toàn dân trên địa bàn theo lộ trình.

- Chỉ đạo Công an cấp xã làm nòng cốt trong tổ công tác triển khai Kế hoạch Khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn.

- Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Kế hoạch trên địa bàn quản lý; xây dựng kế hoạch cụ thể hằng năm, phân công rõ trách nhiệm cho các bộ phận chuyên môn, Trạm Y tế và các tổ chức có liên quan để tổ chức thực hiện hiệu quả.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện trên địa bàn; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc; định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Bộ Y tế và UBND tỉnh theo quy định.

12. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng lao động

- Tổ chức và chịu trách nhiệm đối với việc khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- Lựa chọn cơ sở đủ điều kiện để thực hiện khám; phối hợp cập nhật dữ liệu vào hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Tuyên truyền, vận động người lao động tham gia khám đầy đủ.

13. Các cơ sở y tế trên địa bàn

- Thực hiện khám đúng quy định chuyên môn; bảo đảm điều kiện về nhân lực, thiết bị y tế.

- Tổ chức tư vấn, chuyển tuyến khi cần thiết.

- Bảo đảm nhập và cập nhật đầy đủ dữ liệu khám vào hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế chủ động tham gia hỗ trợ chuyên môn theo phân công.

- Khuyến khích các cơ sở y tế ngoài công lập tham gia thực hiện Kế hoạch.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan huy động sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các đối tượng đi khám sức khỏe đầy đủ, đúng thời gian quy định; đồng thời thực hiện giám sát xã hội, kịp thời phản ánh các ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để đảm bảo kế hoạch triển khai hiệu quả, minh bạch:

- **Đối với Tỉnh Đoàn:** Huy động đoàn viên, thanh niên tham gia hỗ trợ công tác truyền thông, hướng dẫn người dân đăng ký khám; tham gia các hoạt động tình nguyện, hỗ trợ nhập liệu, phân luồng, hướng dẫn tại các điểm khám; tiếp cận các nhóm đối tượng trẻ, người lao động di cư.

- **Đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh:** Tuyên truyền, vận động hội viên và gia đình tham gia khám sức khỏe định kỳ; phối hợp rà soát, lập danh sách đối tượng, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế; hỗ trợ tiếp cận từng hộ gia đình.

- **Đối với Hội Cựu chiến binh tỉnh:** Phát huy vai trò gương mẫu của hội viên trong tham gia khám sức khỏe; tuyên truyền, vận động trong cộng đồng dân cư; hỗ trợ giám sát việc triển khai tại cơ sở.

- **Đối với Hội Người cao tuổi tỉnh:** Chủ động và phát huy hơn nữa vai trò của Hội Người cao tuổi; thường xuyên hỗ trợ UBND cấp xã trong việc triển khai và giám sát việc thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn Hội Người cao tuổi cấp xã phối hợp địa phương tuyên truyền trước, trong và sau khi khám sức khỏe, vận động người cao tuổi tham gia khám sức khỏe và thực hiện tầm soát các bệnh không lây nhiễm.

- **Đối với Hội Chữ thập đỏ tỉnh:** Tham gia hỗ trợ nhân lực, hậu cần, tình nguyện viên tại các điểm khám; phối hợp tổ chức các hoạt động nhân đạo, chăm sóc sức khỏe cộng đồng; hỗ trợ các đối tượng khó khăn tiếp cận dịch vụ khám sức khỏe.

- **Đối với Liên đoàn Lao động tỉnh:** Tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động tham gia khám sức khỏe; phối hợp với người sử dụng lao động trong việc tạo điều kiện thời gian, tổ chức cho người lao động tham gia khám; hỗ trợ tiếp cận nhóm công nhân, người lao động tại doanh nghiệp.

Đề nghị các sở, ban, ngành, cơ quan, địa phương có liên quan phối hợp với Sở Y tế xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./. Thư ký

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Son).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Văn Tuấn



Phụ lục I

ĐỐI TƯỢNG VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2026

(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 6448/KH-UBND ngày 08/5/2026 của UBND tỉnh)

TT	ĐỐI TƯỢNG	TỔNG SỐ (Người)	Đợt 1 (Quý II/2026)	Đợt 2 (Quý III+IV/2026)	ĐƠN GIÁ (Đồng)*	THÀNH TIỀN Đợt 1 (Đồng)	THÀNH TIỀN Đợt 2 (Đồng)	Nguồn	NỘI DUNG KHÁM
I	Quý II năm 2026								
1	Trẻ em dưới 6 tuổi đi học	160.000		160.000	160.000	-	25.600.000.000	NSNN	Theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại: Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 và Quyết định số 2246/QĐ-BYT ngày 01/8/2024.
2	Học sinh tiểu học, THCS, THPT (tuổi từ 6-18)	696.034	696.034	-	160.000	111.365.440.000	-	NSNN	Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 và Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023.
3	Sinh viên các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	20.218	20.218		160.000	3.234.880.000	-	NSNN	Theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 và Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023
4	Đối tượng chính sách (người cao tuổi, người khuyết tật, người có công, người nghèo...)	655.341	254.993	400.348	482.000	122.906.626.000	192.967.736.000	NSNN	Theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 về quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh và theo hướng dẫn của Sở Y tế.
4.1	Đối tượng cao tuổi	488.441	175.146	313.295	482.000	84.420.372.000	151.008.190.000		
4.2	Đối tượng Khuyết tật	46.388	16.634	29.754	482.000	8.017.588.000	14.341.428.000		
4.3	Đối tượng có công	92.000	32.989	59.011	482.000	15.900.698.000	28.443.302.000		
4.4	Đối tượng nghèo	9.700	3.478	6.222	482.000	1.676.396.000	2.999.004.000		
4.5	Đối tượng cận nghèo	18.812	6.746	12.066	482.000	3.251.572.000	5.815.812.000		

TT	ĐỐI TƯỢNG	TỔNG SỐ (Người)	Đợt 1 (Quý II/2026)	Đợt 2 (Quý III+IV/2026)	ĐƠN GIÁ (Đồng)*	THÀNH TIỀN Đợt 1	THÀNH TIỀN Đợt 2	Nguồn	NỘI DUNG KHÁM
5	Các xã vùng III, xã biên giới và đặc khu Phú Quý	604.808	63.394	387.935	482.000	30.555.908.000	186.984.670.000	NSNN	Theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 về quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh và theo hướng dẫn của Sở Y tế.
6	Nhóm tuổi 18 - 60 tuổi: Người lao động có hợp đồng và đóng bảo hiểm xã hội gồm	330.000	330.000	-	482.000	159.060.000.000	-	Người sử dụng lao động chi trả	Theo Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, hướng dẫn của Bộ Y tế tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 023 về quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 56/2025/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 về hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp.
6.1	Người lao động trong các công ty, doanh nghiệp	267.000	267.000	-	482.000	128.694.000.000	-	Người sử dụng lao động chi trả	
6.2	Công chức, viên chức khối Đảng	3.000	3.000	-	482.000	1.446.000.000	-	Người sử dụng lao động chi trả	
6.3	Công chức, viên chức khối chính quyền	60.000	60.000	-	482.000	28.920.000.000	-	Người sử dụng lao động chi trả	
7	Đối tượng khám sức khỏe lái xe	55.000	55.000	-	497.200	27.346.000.000	-	Người dân tự chi trả	
8	Đối tượng còn lại	1.351.598	490.774	877.824	482.000	236.553.068.000	423.111.168.000	NSNN	
	TỔNG CỘNG	3.872.999	1.910.413	1.826.107		504.615.922.000	828.663.574.000		

1. Dự kiến số khám 1.910.413 người với Kinh phí quý II năm 2026: **504.616.000.000** đồng là kinh phí ngân sách nhà nước và chưa bao gồm kinh phí cận lâm sàng cho đối tượng trẻ em, học sinh, sinh viên khi khám có thêm chi định của Bác sĩ (nếu cần) và **186.406.000.000** do người sử dụng lao động chi trả và người dân tự chi trả.

2. Dự kiến số khám 1.826.107 người với Kinh phí Quý III và IV năm 2026: **828.663.574.000** đồng là kinh phí ngân sách nhà nước và chưa bao gồm kinh phí cận lâm sàng cho đối tượng trẻ em, học sinh, sinh viên còn lại khi khám có thêm chi định của Bác sĩ (nếu cần).

* Định mức áp dụng theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý

Đơn giá đồng

Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe địn	160.000
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	49.700
Định lượng Glucose [Máu]	22.400
Định lượng Urê Máu	22.400
Định lượng Creatinin (máu)	22.400
Đo hoạt động AST (GOT) Máu	22.400
Đo hoạt động ALT (GPT) Máu	22.400
Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	28.600
Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	73.300
Siêu âm ổ bụng	58.600



Phụ lục II

NỘI DUNG CHUYÊN MÔN KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

(Kèm theo Kế hoạch số ~~6446~~/KH-UBND ngày 08/5/2026 của UBND tỉnh)

I. ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Nhóm 1: Nhóm đối tượng có quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 2 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, gồm:

a) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; người thử việc; người học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

c) Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

2. Nhóm 2: Nhóm đối tượng không có quan hệ lao động, gồm:

a) Lao động tự do.

b) Học sinh, sinh viên.

c) Người cao tuổi.

d) Trẻ em dưới 6 tuổi.

đ) Người có công với cách mạng.

e) Người khuyết tật.

g) Đối tượng khác không thuộc nhóm a, b, c, d, đ, e nêu trên.

II. NỘI DUNG KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi

a) Nội dung chuyên môn khám: Thực hiện theo Hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 06 tuổi ban hành kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-BYT ngày 07/05/2026 của Bộ Y tế (sau đây gọi là Quyết định số 1284/QĐ-BYT).

b) Mẫu khám sức khỏe (KSK): Theo Phụ lục kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-BYT (Mẫu 1 đến Mẫu 9 kèm theo).

2. Đối với người từ đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi

a) Mẫu KSK định kỳ thực hiện theo mẫu số 2, Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế (Mẫu 10 kèm theo);

b) Khám cận lâm sàng chỉ thực hiện khi có chỉ định của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

3. Đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên

a) Mẫu KSK định kỳ thực hiện theo mẫu số 3, Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế (*Mẫu 11 kèm theo*);

b) Khám các nội dung cận lâm sàng cơ bản sau:

- Xét nghiệm máu: Xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu ngoại vi; đường máu, Ure máu, Creatinin máu; SGOT, SGPT.

- Tổng phân tích nước tiểu.

- Chụp XQ ngực thẳng.

- Siêu âm ổ bụng.

c) Các xét nghiệm cận lâm sàng khác chỉ thực hiện khi có chỉ định của người hành nghề hoặc theo yêu cầu tự nguyện chi trả của người dân.

d) Tại địa phương, đơn vị căn cứ tình hình thực tiễn, sẽ thực hiện các thăm khám lâm sàng, cận lâm sàng khác từ nguồn ngân sách địa phương, đơn vị hoặc nguồn hỗ trợ (nếu có).

4. Khám sức khỏe định kỳ đối với các đối tượng là người lao động thuộc các ngành, nghề đặc thù thực hiện theo quy định hiện hành, cụ thể:

a) Người hành nghề lái xe ô tô: Thực hiện theo Thông tư số 36/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, việc khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; việc khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô; cơ sở dữ liệu về sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng.

b) Nhân viên hàng không: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 18/2012/TTLT-BYT-BGTVT ngày 05/11/2012 của Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn sức khỏe của nhân viên hàng không và điều kiện đối với cơ sở y tế thực hiện việc khám sức khỏe cho nhân viên hàng không.

c) Người điều khiển phương tiện giao thông đường sắt thực hiện theo Thông tư số 42/2025/TT-BYT ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người điều khiển phương tiện giao thông đường sắt.

d) Thuyền viên thực hiện theo Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên.

5. Đối tượng là cán bộ (do Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ các cấp quản lý) thực hiện theo Quyết định số 1266/QĐ-BYT ngày 21/3/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành quy định tiêu chuẩn phân loại sức khỏe cán bộ và mẫu phiếu khám sức khỏe cán bộ.

6. Đối với đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý: Nội dung KSK thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

III. CƠ SỞ THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Thực hiện theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Phòng bệnh, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật và hướng dẫn của Bộ Y tế.

2. Giao Sở Y tế căn cứ các quy định hiện hành để giao nhiệm vụ và phân bổ đối tượng, số lượng khám cho phù hợp.

IV. ĐỊA ĐIỂM KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Nhóm 1:

a) Địa điểm khám do Người sử dụng lao động chủ trì, phối hợp với cơ sở thực hiện khám sức khỏe để triển khai thực hiện hoặc Người lao động tự chủ động đến khám tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người lao động đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu; hoặc các cơ sở khám, chữa bệnh khác đủ điều kiện theo quy định khám sức khỏe đảm bảo thuận tiện cho người lao động.

b) Địa điểm khám sức khỏe lưu động tại nơi người lao động làm việc hoặc sinh sống được bố trí hợp lý, thuận tiện cho người lao động, bảo đảm an toàn, đầy đủ trang thiết bị, vật tư y tế và nhân lực chuyên môn theo quy định;

2. Nhóm 2:

- Khám sức khỏe định kỳ ưu tiên tổ chức tại Trạm Y tế xã khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Chính phủ hoặc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người dân đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu; hoặc các cơ sở khám, chữa bệnh khác đủ điều kiện theo quy định để thuận tiện cho người dân;

- Đối với học sinh, sinh viên: Cơ sở giáo dục, đào tạo chủ trì, phối hợp với Trạm Y tế cấp xã khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Chính phủ hoặc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi học sinh, sinh viên đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu hoặc các cơ sở khám chữa bệnh khác đủ điều kiện theo quy định để thuận tiện cho học sinh, sinh viên để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở giáo dục, đào tạo.

- Địa điểm khám sức khỏe lưu động được bố trí hợp lý, thuận tiện cho người dân, học sinh, sinh viên, trẻ em bảo đảm an toàn, đầy đủ trang thiết bị, vật tư y tế và nhân lực chuyên môn theo quy định.

V. QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Tổ chức rà soát, lập danh sách người dân theo thẩm quyền quản lý; giới thiệu hoặc hướng dẫn người dân đến cơ sở khám sức khỏe để thực hiện KSK định kỳ.

2. Phân nhóm đối tượng ưu tiên và sắp xếp lịch khám đảm bảo phù hợp, tránh quá tải và thuận tiện cho người dân.

3. Thực hiện khám đầy các nội dung trong giấy KSK

4. Kết quả khám được tổng hợp, đánh giá và lập sổ sức khỏe điện tử; Liên thông, chia sẻ dữ liệu khám sức khỏe định kỳ và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế với hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ KHÁM SỨC KHỎE

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về khám sức khỏe của Luật khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

2. Khám đầy đủ các nội dung theo quy định để đánh giá tình trạng sức khỏe, phát hiện và chẩn đoán bệnh hoặc tư vấn chuyên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp để khám và điều trị kịp thời.

3. Dữ liệu sổ sức khỏe điện tử đảm bảo liên thông với hệ thống thông tin quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế và công tiếp nhận dữ liệu của Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế.

VII. MỘT SỐ NỘI DUNG LƯU Ý

1. Nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Trường hợp có thay đổi, bổ sung, điều chỉnh thì thực hiện theo quy định hiện hành. Sở Y tế có trách nhiệm theo dõi, cập nhật kịp thời và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện; đồng thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

2. Sở Y tế chủ động phân bổ các đối tượng khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho các đơn vị, bảo đảm phù hợp với năng lực của các đơn vị, bao gồm cả các cơ sở y tế tư nhân nếu đủ điều kiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc theo quy định.

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ DÙNG CHO TRẺ EM DƯỚI 06 TUỔI

MẪU 1- GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CHO TRẺ 0 - DƯỚI 2 THÁNG TUỔI

HÀNH CHÍNH		
1. Họ và tên (<i>In hoa</i>):		
2. Sinh ngày:	Sinh non: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Tuần thai khi sinh: ___ tuần <input type="checkbox"/> KB
3. Giới:	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	
4. Dân tộc:		
5. Nơi ở:		
6. Họ tên người đi cùng trẻ:		
7. Mối quan hệ với trẻ:	<input type="checkbox"/> Cha <input type="checkbox"/> Mẹ <input type="checkbox"/> Ông/bà <input type="checkbox"/> Anh/chị <input type="checkbox"/> Họ hàng <input type="checkbox"/> Khác	
8. Tiền sử mẹ:		
- PARA:		
- Bất thường trong thai kỳ trước:		
- Bệnh lý trong thai kỳ:		
- Thuốc uống trong lúc mang thai:		
- Bệnh lý mẹ sàng lọc trước sinh		
9. Tiền sử của trẻ		
- Kiểu sinh: <input type="checkbox"/> Sinh thường <input type="checkbox"/> Sinh mổ		
- Tình trạng của trẻ sau sinh: <input type="checkbox"/> Da kè da và nằm với mẹ đến khi ra viện <input type="checkbox"/> Điều trị tại Khoa sơ sinh		
- Bệnh lý của trẻ sau sinh (ghi rõ):		
- Sàng lọc sơ sinh	<input type="checkbox"/> Máu gót chân. <input type="checkbox"/> Thính lực	<input type="checkbox"/> Tim bẩm sinh
- Dinh dưỡng:	<input type="checkbox"/> Bú mẹ hoàn toàn <input type="checkbox"/> Bú mẹ + sữa công thức (SCT)	<input type="checkbox"/> SCT hoàn toàn
- Tiền sử tiếp xúc với người bệnh lao: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN		
Nhiệt độ:.... độ C	<input type="checkbox"/> Bình thường <input type="checkbox"/> Sốt	<input type="checkbox"/> Hạ thân nhiệt
Mạch:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường <input type="checkbox"/> Nhanh	
Nhịp thở:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường <input type="checkbox"/> Thở nhanh <input type="checkbox"/> Thở chậm	
ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG		
Chiều dài (cm).....Chiều dài/Tuổi:SD		
Cân nặng (kg).....Cân nặng/Tuổi:SD		
Vòng đầu (cm):cm	<input type="checkbox"/> Đầu to <input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Đầu nhỏ
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN -VẬN ĐỘNG		
Hành vi và năng lực trẻ độ tuổi này thường làm được	Kết quả	
	Có	Không
- Trẻ vận động tay, chân đồng đều cả 2 bên khi nằm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Trẻ quay đầu hướng về âm thanh như tiếng chuông, tiếng nhạc, lời nói của bố mẹ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bắt đầu có thể phát ra tiếng ê, a, gừ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nhìn theo khuôn mặt của bố/mẹ/người chăm sóc với khoảng cách 30cm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG**Kiểm tra sổ tiêm chủng**

	Có	Không
- Viêm gan B mũi 1 (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Lao (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Tư vấn:**KHÁM LÂM SÀNG**

Quan sát: Nét mặt/tư thế/tỷ lệ, sự đối xứng với các bộ phận cơ thể/sự chuyển động của trẻ. Tìm dấu hiệu bệnh cấp hoặc mạn tính.

1. Toàn trạng

- Trẻ mở mắt tự nhiên Không Có
- Màu sắc da Hồng hào Nhợt Tím Vàng Sạm da
- Sang thương da Không Xuất huyết Bóng nước Khác

Mô tả sang thương (nếu có):

2. Đầu - cổ**2.1. Khám đầu - cổ**

- Thóp: Bình thường Rộng Hẹp Thóp phồng
- Hình dạng đầu: Bình thường Không bình thường
- Vận động cổ: Bình thường Giới hạn
- Khối bất thường: Không Có

2.2. Khám mắt

- Vị trí 2 mắt: Bình thường 2 mắt xa nhau
- Mí mắt và kết mạc: Bình thường Sung/ đỏ Chảy ghèn/mủ
- Đồng tử (kích thước, phản xạ): Bình thường Không bình thường
- Phản xạ Red reflex: Bình thường Bất thường (P) Bất thường (T)

2.3. Khám tai

- Vị trí tai: Bình thường Tai đóng thấp
- Số lượng tai: Đủ 2 bên tai Bất thường tai bên....
- Có khối sưng sau tai: Không Có
- Dấu hiệu chảy mủ, nước tai: Không Có

2.4. Khám mũi

- Hình dạng mũi: Bình thường Mũi to, dày Bất sản xương mũi

2.5. Khám miệng

- Hình dạng: Bình thường Sứt môi, chẻ vòm
- Răng sữa sơ sinh: Không Có
- Hình dạng lưỡi: Bình thường Lưỡi to bè
- Dính trắng lưỡi: Không Có
- Nám miệng: Không Có
- Cằm nhỏ, tụt về sau: Không Có

3. Hô hấp

- Nhịp thở không đều: Không Có cơn ngưng thở trên 5 giây
- Thở rút lõm lồng ngực: Không Có
- Tiếng thở bất thường: Không Có
- Nghe phổi: Bình thường Không bình thường

4. Tim mạch

- Đo SpO2: % Bình thường Dưới <95%
- Vị trí mỏm tim: Bình thường Không bình thường
- Ổ đập bất thường: Không Có
- Mạch ngoại vi (mạch quay-bẹn): Bắt rõ Mạch nhẹ Không bắt được
- Tiếng tim: Điều, rõ, không âm thổi Không đều Âm thổi Rung miêu
 Tiếng tim bất thường Âm thổi Rung miêu

5. Bụng và cơ quan sinh dục

- Hình dáng bụng, rốn: Bình thường Không bình thường
- Gan, lách to: Không Có
- Khối bất thường: Không Có
- Lỗ hậu môn: Không Có
- Cơ quan sinh dục nam (thoát vị bẹn, tinh hoàn ẩn, lỗ tiểu đóng thấp):
 Không Có
- Cơ quan sinh dục nữ: Bình thường Không bình thường

6. Lưng và cột sống

- Hình dạng cột sống: Toàn vẹn, cân đối Hở cột sống Vẹo cột sống

7. Cơ xương và thần kinh

- Vận động không đối xứng: Không Có
- Phản xạ bú: Không Có
- Phản xạ nắm: Không Có
- Phản xạ Moro: Không Có
- Trương lực cơ: Bình thường Tăng Giảm
- Khớp háng: Bình thường Trật khớp háng

KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN

Kết luận về sức khỏe:

- Bình thường.
- Có nguy cơ mắc lao (tiền sử tiếp xúc).
- Có vấn đề về sức khỏe.

Ghi rõ:

Tư vấn và hẹn khám lần sau:

MẪU 2- GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CHO TRẺ 2 - 3 THÁNG TUỔI

HÀNH CHÍNH		
1. Họ và tên (<i>In hoa</i>):		
2. Sinh ngày:	Sinh non: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Tuần thai khi sinh: __ __ tuần <input type="checkbox"/> KB
3. Giới:	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	
4. Dân tộc:		
5. Nơi ở:		
6. Họ tên người đi cùng trẻ:		
7. Mối quan hệ với trẻ: <input type="checkbox"/> Cha <input type="checkbox"/> Mẹ <input type="checkbox"/> Ông/bà <input type="checkbox"/> Anh/chị <input type="checkbox"/> Họ hàng <input type="checkbox"/> Khác		
8. Tiền sử:		
- Bản thân:		
- Gia đình:		
- Tiền sử tiếp xúc với người bệnh lao: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN		
Nhiệt độ:.....độ C	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
Mạch:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
Nhịp thở:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG		
Chiều dài (cm).....Chiều dài/Tuổi:SD		
Cân nặng (kg).....Cân nặng/Tuổi:SD		
Chu vi vòng cánh tay (mm):		
Vòng đầu (cm):		
<input type="checkbox"/> Phù dinh dưỡng <input type="checkbox"/> Dấu hiệu thiếu máu <input type="checkbox"/> Dấu hiệu còi xương <input type="checkbox"/> Suy dinh dưỡng		
<input type="checkbox"/> Thừa cân/béo phì		
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN - VẬN ĐỘNG		
Hành vi và năng lực trẻ độ tuổi này thường làm được	Kết quả	
	Có	Không
- Phát ra tiếng khàn khàn, gừ gừ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Cười mỉm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nhấc được đầu khi nằm sấp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Trẻ ngoan/yên khi được vỗ về, hát ru, đung đưa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mắt nhìn theo đồ vật chuyển động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG		
Kiểm tra sổ tiêm chủng	Có	Không
- Viêm gan B mũi 1 (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Lao (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tư vấn:		

KHÁM LÂM SÀNG

Quan sát: Nét mặt/tư thế/tỷ lệ, sự đối xứng với các bộ phận cơ thể/sự chuyển động của trẻ. Tìm dấu hiệu bệnh cấp hoặc mạn tính.

1. Da

- Lòng bàn tay: Không nhợt Nhợt
- Các lỗ rò trên da: Rò luân nhĩ (trước tai), rò xoang bì (vùng cùc cụt/dọc theo cột sống)
 Không Có
- Vàng da kéo dài: Không Có

2. Đầu - cổ

2.1. Khám đầu - cổ

- Thóp: Bình thường Không bình thường
- Kích thước và hình dạng đầu: Bình thường Không bình thường
- Khô bất thường: Không Có

2.2. Khám mắt

- Mí mắt và kết mạc: Bình thường Không bình thường
- Rung giật nhãn cầu/lác/vận động mắt bất thường: Không Có
- Đồng tử (kích thước, phản xạ): Bình thường Không bình thường

2.3. Khám tai

- Đáp ứng với âm thanh: Bình thường Không bình thường
- Có khối sưng sau tai: Không Có
- Dấu hiệu chảy mủ, nước tai: Không Có

2.4. Khám miệng

- Bình thường Không bình thường

3. Hô hấp

- Dấu hiệu suy hô hấp: Không Có
- Tiếng thở bất thường: Không Có
- Nghe phổi: Bình thường Không bình thường

4. Tim mạch

- Vị trí mỏm tim: Bình thường Không bình thường
- Mạch ngoại vi (mạch quay-bẹn): Bình thường Không bình thường
- Nghe tim (rối loạn nhịp tim, tiếng thổi): Không Có

5. Bụng và cơ quan sinh dục

- Hình dáng bụng, rốn: Bình thường Không bình thường
- Gan, lách to: Không Có
- Khối bất thường: Không Có
- Cơ quan sinh dục nam (thoát vị bẹn, tinh hoàn ẩn):
 Không Có

- Cơ quan sinh dục nữ: Bình thường Không bình thường

.....
6. Cơ xương và thần kinh

- Vận động không đối xứng: Không Có
- Phản xạ cơ: Bình thường Không bình thường
- Trương lực cơ bất thường: Không Có
- Khớp háng: Bình thường Không bình thường
- Dấu hiệu còi xương: Không Có

.....
KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN

Kết luận về sức khỏe:

- Bình thường.
- Có nguy cơ mắc lao (tiền sử tiếp xúc).
- Có vấn đề về sức khỏe.

Ghi rõ:

Tư vấn và hẹn khám lần sau:

MẪU 3- GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CHO TRẺ 4 - 6 THÁNG TUỔI

HÀNH CHÍNH		
1. Họ và tên (<i>In hoa</i>):		
2. Sinh ngày:	Sinh non: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Tuần thai khi sinh: ____ tuần <input type="checkbox"/> KB
3. Giới:	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	
4. Dân tộc:		
5. Nơi ở:		
6. Họ tên người đi cùng trẻ:		
7. Mối quan hệ với trẻ:	<input type="checkbox"/> Cha <input type="checkbox"/> Mẹ <input type="checkbox"/> Ông/bà <input type="checkbox"/> Anh/chị <input type="checkbox"/> Họ hàng <input type="checkbox"/> Khác	
8. Tiền sử:		
- Bản thân:		
- Gia đình:		
- Tiền sử tiếp xúc với người bệnh lao: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN		
Nhiệt độ:.....độ C	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường
Mạch:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường
Nhịp thở:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường
ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG		
Chiều dài (cm).....Chiều dài/Tuổi:SD		
Cân nặng (kg).....Cân nặng/Tuổi:SD		
Chu vi vòng cánh tay (mm):		
Vòng đầu (cm):		
<input type="checkbox"/> Phù dinh dưỡng <input type="checkbox"/> Dấu hiệu thiếu máu <input type="checkbox"/> Dấu hiệu còi xương <input type="checkbox"/> Suy dinh dưỡng		
<input type="checkbox"/> Thừa cân, béo phì		
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN - VẬN ĐỘNG		
Hành vi và năng lực trẻ độ tuổi này thường làm được	Kết quả	
	Có	Không
- Mắt nhìn theo đồ chơi và người đang di chuyển	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biểu hiện sự thích thú với mọi người (cử động tay chân, phát ra tiếng,...)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Cười hoặc mỉm cười thể hiện sự thích thú	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát ra âm thanh khi vui vẻ hoặc không thoải mái	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Giữ đầu thẳng khi đỡ ngực trẻ hoặc khi đỡ trẻ ở tư thế ngồi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Quay đầu về phía âm thanh, tiếng của cha mẹ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát ra các âm thanh khi có người nói chuyện với trẻ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nhìn đồ vật, đưa tay hoặc vớ tay về phía đồ vật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Cầm nắm được đồ vật trong tay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Ngồi khi được giữ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biết lẫy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG		
Kiểm tra số tiêm chủng	Có	Không
- Viêm gan B mũi 1 (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

.....
5. Bụng và cơ quan sinh dục

- | | | |
|-------------------------|--------------------------------------|---|
| - Hình dáng bụng, rốn: | <input type="checkbox"/> Bình thường | <input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/> |
| - Gan, lách to: | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Có |
| - Khối bất thường: | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Có |
| - Cơ quan sinh dục nam: | <input type="checkbox"/> Bình thường | <input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/> |
| - Cơ quan sinh dục nữ: | <input type="checkbox"/> Bình thường | <input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/> |
-

6. Cơ xương và thần kinh

- | | | |
|-----------------------------|--------------------------------------|---|
| - Vận động không đối xứng: | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Có |
| - Phản xạ cơ: | <input type="checkbox"/> Bình thường | <input type="checkbox"/> Không bình thường |
| - Trương lực cơ bất thường: | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Có |
| - Khớp háng: | <input type="checkbox"/> Bình thường | <input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/> |
| - Dấu hiệu còi xương: | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Có |
-

KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN

Kết luận về sức khỏe:

- Bình thường.
- Có nguy cơ mắc lao (tiền sử tiếp xúc).
- Có vấn đề về sức khỏe.

Ghi rõ:

Tư vấn và hẹn khám lần sau:

MẪU 4- GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CHO TRẺ 7 - 9 THÁNG TUỔI

HÀNH CHÍNH		
1. Họ và tên (<i>In hoa</i>):		
2. Sinh ngày:	Sinh non: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Tuần thai khi sinh: __ __ tuần <input type="checkbox"/> KB
3. Giới:	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	
4. Dân tộc:		
5. Nơi ở:		
6. Họ tên người đi cùng trẻ:		
7. Mối quan hệ với trẻ: <input type="checkbox"/> Cha <input type="checkbox"/> Mẹ <input type="checkbox"/> Ông/bà <input type="checkbox"/> Anh/chị <input type="checkbox"/> Họ hàng <input type="checkbox"/> Khác		
8. Tiền sử:		
- Bản thân:		
- Gia đình:		
- Tiền sử tiếp xúc với người bệnh lao: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN		
Nhiệt độ:.....độ C	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
Mạch:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
Nhịp thở:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG		
Chiều dài (cm).....Chiều dài/Tuổi:SD		
Cân nặng (kg).....Cân nặng/Tuổi:SD		
Chu vi vòng cánh tay (mm):		
Vòng đầu (cm):		
<input type="checkbox"/> Phù dinh dưỡng <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> Dấu hiệu thiếu máu <input type="checkbox"/> Dấu hiệu còi xương <input type="checkbox"/> Suy dinh dưỡng		
<input type="checkbox"/> Thừa cân/béo phì		
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN - VẬN ĐỘNG		
Hành vi và năng lực trẻ độ tuổi này thường làm được	Kết quả	
	Có	Không
- Bập bẹ chuỗi âm thanh khác nhau (b b, u, o)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát ra âm thanh (khóc, la hét) hoặc cử chỉ để thu hút sự chú ý và đòi giúp đỡ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chơi các trò chơi tương tác với người chăm sóc (chạm mũi, ú òa)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Quay đầu về phía tiếng gọi hoặc người nói chuyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biết nhìn theo đồ vật bị giấu đi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nhận biết được lạ - quen	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Ngồi được không cần hỗ trợ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Dùng ngón cái đối diện các ngón còn lại để tóm, lấy đồ vật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đứng khi được xúc nách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG		
Kiểm tra sổ tiêm chủng	Có	Không
- Viêm gan B mũi 1(sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Lao (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tiêm vắc xin bại liệt IPV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Sởi đơn (9 tháng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Tư vấn:

KHÁM LÂM SÀNG

Quan sát: Nét mặt/tư thế/tỷ lệ, sự đối xứng với các bộ phận cơ thể/sự chuyển động của trẻ. Tìm dấu hiệu bệnh cấp hoặc mạn tính

- 1. Da** Bình thường Không bình thường
 Lòng bàn tay: Bình thường (Không nhợt) Không bình thường (Nhợt)

2. Đầu - cổ

2.1. Khám đầu - cổ

- Sờ thóp: Bình thường Không bình thường
 - Kích thước và hình dạng đầu: Bình thường Không bình thường
 - Khối bất thường: Không Có

2.2. Khám mắt

- Mí mắt và kết mạc: Bình thường Không bình thường
 - Rung giật nhãn cầu/lác/vận động mắt bất thường: Không Có
 - Đồng tử (kích thước, phản xạ): Bình thường Không bình thường

2.3. Khám tai

- Tai và màng nhĩ: Bình thường Không bình thường
 - Có khối sưng sau tai: Không Có
 - Dấu hiệu chảy mủ, nước tai: Không Có

2.4. Khám mũi họng Bình thường Không bình thường

2.5. Bất thường răng miệng Không Có

3. Hô hấp

- Dấu hiệu suy hô hấp: Không Có
 - Tiếng thở bất thường: Không Có
 - Nghe phổi: Bình thường Không bình thường

4. Tim mạch

- Vị trí mỏm tim: Bình thường Không bình thường
 - Mạch ngoại vi (mạch quay-bẹn): Bình thường Không bình thường

- Nghe tim (rối loạn nhịp tim, tiếng thổi): Không Có

.....
5. Bụng và cơ quan sinh dục

- Hình dáng bụng, rốn: Bình thường Không bình thường
- Gan, lách to: Không Có
- Khối bất thường: Không Có
- Cơ quan sinh dục ngoài: Bình thường Không bình thường

.....
6. Cơ xương và thần kinh

- Vận động không đối xứng: Không Có
- Trương lực cơ: Bình thường Không bình thường
- Phản xạ cơ: Bình thường Không bình thường
- Dấu hiệu còi xương: Không Có

.....
KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN

Kết luận về sức khỏe:

- Bình thường.
 Có nguy cơ mắc lao (tiền sử tiếp xúc).
 Có vấn đề về sức khỏe.

Ghi rõ:

Tư vấn và hẹn khám lần sau:

MẪU 5- GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CHO TRẺ 10 - 12 THÁNG TUỔI

HÀNH CHÍNH		
1. Họ và tên (<i>In hoa</i>):		
2. Sinh ngày:	Sinh non: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Tuần thai khi sinh: ___ tuần <input type="checkbox"/> KB
3. Giới:	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	
4. Dân tộc:		
5. Nơi ở:		
6. Họ tên người đi cùng trẻ:		
7. Mối quan hệ với trẻ:	<input type="checkbox"/> Cha <input type="checkbox"/> Mẹ <input type="checkbox"/> Ông/bà <input type="checkbox"/> Anh/chị <input type="checkbox"/> Họ hàng <input type="checkbox"/> Khác	
8. Tiền sử:		
- Bản thân:		
- Gia đình:		
- Tiền sử tiếp xúc với người bệnh lao: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN		
Nhiệt độ:.....độ C	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
Mạch:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
Nhịp thở:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG		
Chiều dài (cm).....Chiều dài/Tuổi:SD		
Cân nặng (kg).....Cân nặng/Tuổi:SD		
Chu vi vòng cánh tay (mm):		
Vòng đầu (cm):		
<input type="checkbox"/> Phù dinh dưỡng <input type="checkbox"/> Dấu hiệu thiếu máu <input type="checkbox"/> Dấu hiệu còi xương <input type="checkbox"/> Suy dinh dưỡng		
<input type="checkbox"/> Thừa cân/béo phì		
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN -VẬN ĐỘNG		
Hành vi và năng lực trẻ độ tuổi này thường làm được	Kết quả	
	Có	Không
- Đáp ứng, quay về phía người gọi tên trẻ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hiểu một số câu hỏi đơn giản, quen thuộc (<i>Quả bóng ở đâu? Bó đâu? Mẹ đâu?</i>)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bập bẹ được một số từ gồm cả nguyên âm và phụ âm (<i>ba, bà, ma, da, đi...</i>)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bắt chước được một vài động tác: vỗ tay hoan hô, vẫy tay, lắc đầu, ú ớ...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nhìn được đồ vật theo hướng tay của cha mẹ chỉ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Lo lắng khi bị tách khỏi bố mẹ/người chăm sóc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đứng vịn được, biết đứng lên khi được kéo tay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Có thể di chuyển hoặc lết bằng mông	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG		
Kiểm tra sổ tiêm chủng	Có	Không

- Viêm gan B mũi 1 (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Lao (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tiêm vắc xin bại liệt IPV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Sởi đơn (9 tháng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Viêm não Nhật Bản mũi 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Viêm não Nhật Bản mũi 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khác (ghi rõ):	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Tư vấn:

KHÁM LÂM SÀNG

Quan sát: *Nét mặt/tư thế/tỷ lệ, sự đối xứng với các bộ phận cơ thể/sự chuyển động của trẻ. Tìm dấu hiệu bệnh cấp hoặc mạn tính*

1. Da Bình thường Không bình thường
 Lòng bàn tay: Bình thường (Không nhợt) Không bình thường (Nhợt)

2. Đầu - cổ

2.1. Khám đầu - cổ

- Sờ thóp: Bình thường Không bình thường
 - Kích thước và hình dạng đầu: Bình thường Không bình thường
 - Khối bất thường: Không Có

2.2. Khám mắt

- Mí mắt và kết mạc: Bình thường Không bình thường
 - Rung giật nhãn cầu/lác/vận động mắt bất thường: Không Có
 - Đồng tử (kích thước, phản xạ): Bình thường Không bình thường

2.3. Khám tai

- Tai và màng nhĩ: Bình thường Không bình thường
 - Có khối sưng sau tai: Không Có
 - Dấu hiệu chảy mủ, nước tai: Không Có

2.4. Khám mũi họng

Bình thường Không bình thường

2.5. Bất thường răng miệng

Không Có

3. Hô hấp

- Dấu hiệu suy hô hấp: Không Có
 - Tiếng thở bất thường: Không Có
 - Nghe phổi: Bình thường Không bình thường
-

4. Tim mạch

- Vị trí mỏm tim: Bình thường Không bình thường
 - Mạch ngoại vi (mạch quay-bẹn): Bình thường Không bình thường
 - Nghe tim (rối loạn nhịp tim, tiếng thổi): Không Có
-

5. Bụng và cơ quan sinh dục

- Hình dáng bụng, rốn: Bình thường Không bình thường
 - Gan, lách to: Không Có
 - Khối bất thường: Không Có
 - Cơ quan sinh dục ngoài: Bình thường Không bình thường
-

6. Cơ xương và thần kinh

- Vận động không đối xứng: Không Có
 - Trương lực cơ: Bình thường Không bình thường
 - Phản xạ cơ: Bình thường Không bình thường
 - Dấu hiệu còi xương: Không Có
-

KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN

Kết luận về sức khỏe:

- Bình thường.
- Có nguy cơ mắc lao (tiền sử tiếp xúc).
- Có vấn đề về sức khỏe.

Ghi rõ:

Tư vấn và hẹn khám lần sau:

MẪU 6- GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CHO TRẺ 13 - 18 THÁNG TUỔI

HÀNH CHÍNH		
1. Họ và tên (<i>In hoa</i>):		
2. Sinh ngày:	Sinh non: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Tuần thai khi sinh: ___ __ tuần <input type="checkbox"/> KB
3. Giới:	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	
4. Dân tộc:		
5. Nơi ở:		
6. Họ tên người đi cùng trẻ:		
7. Mối quan hệ với trẻ: <input type="checkbox"/> Cha <input type="checkbox"/> Mẹ <input type="checkbox"/> Ông/bà <input type="checkbox"/> Anh/chị <input type="checkbox"/> Họ hàng <input type="checkbox"/> Khác		
8. Tiền sử:		
- Bản thân:		
- Gia đình:		
- Tiền sử tiếp xúc với người bệnh lao: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN		
Nhiệt độ:.....độ C	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
Mạch:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
Nhịp thở:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG		
Chiều dài (cm).....Chiều dài/Tuổi:SD		
Cân nặng (kg).....Cân nặng/Tuổi:SD		
Chu vi vòng cánh tay (mm):		
Vòng đầu (cm):		
<input type="checkbox"/> Phù dinh dưỡng <input type="checkbox"/> Dấu hiệu thiếu máu <input type="checkbox"/> Dấu hiệu còi xương <input type="checkbox"/> Suy dinh dưỡng		
<input type="checkbox"/> Thừa cân/béo phì		
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN -VẬN ĐỘNG		
Hành vi và năng lực trẻ độ tuổi này thường làm được	Kết quả	
	Có	Không
- Nói được từ 5-20 từ đơn có nghĩa, có chủ đích (<i>VD: bố, mẹ, bà, xe, chó</i>). Phát âm có thể chưa rõ ràng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biết dùng tay để cầm và ăn thức ăn cứng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Sợ hãi khi tiếp xúc với người lạ hoặc đến nơi lạ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bắt chước được tiếng nói và cử chỉ của người khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biết tìm đến bố mẹ/người chăm sóc thân thiết khi buồn, sợ hãi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Thể hiện sự hứng thú với trẻ khác: nhìn, lại gần, cười, chơi cùng,...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tự cởi mũ/dép mà không cần bố mẹ trợ giúp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biết bò/dò dẫm đi lên được 3-4 bậc cầu thang, tam cấp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Làm được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói không có chỉ dẫn (lấy được đồ vật/đồ chơi quen thuộc theo yêu cầu)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Dùng ngón trỏ để chỉ cho người khác biết thứ mình muốn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Trả lời hoặc quay đầu về phía người gọi tên trẻ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Đi được khi có người dắt, bám vào thành tủ, giường để di chuyển (trẻ <15 tháng); đi mà không cần trợ giúp (biết đi) (trẻ 18 tháng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Cố gắng ngồi xổm để nhặt đồ chơi dưới sàn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG

Kiểm tra sổ tiêm chủng	Có	Không
- Viêm gan B mũi 1 (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Lao (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tiêm vắc xin bại liệt IPV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Sởi đơn (9 tháng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Viêm não Nhật Bản mũi 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Viêm não Nhật Bản mũi 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 4 (18 tháng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Sởi- Rubella (MR - 18 tháng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khác (ghi rõ):		

Tư vấn:

KHÁM LÂM SÀNG

Quan sát: Nét mặt/tư thế/tỷ lệ, sự đối xứng với các bộ phận cơ thể/sự chuyển động của trẻ. Tìm dấu hiệu bệnh cấp hoặc mạn tính

1. Da Bình thường Không bình thường
 Lòng bàn tay: Bình thường (không nhợt) Không bình thường (nhợt)

2. Đầu - cổ

2.1. Khám đầu - cổ

- Thóp: Bình thường Không bình thường
 - Kích thước và hình dạng đầu: Bình thường Không bình thường
 - Khối bất thường: Không Có

2.2. Khám mắt

- Mí mắt và kết mạc: Bình thường Không bình thường
 - Rung giật nhãn cầu/lác/vận động mắt bất thường: Không Có
 - Đồng tử (kích thước, phản xạ): Bình thường Không bình thường

2.3. Khám tai

- Tai và màng nhĩ: Bình thường Không bình thường
- Có khối sưng sau tai: Không Có
- Dấu hiệu chảy mủ, nước tai Không Có

.....

2.4. Khám mũi họng Bình thường Không bình thường

.....

2.5. Bất thường răng miệng Không Có

.....

3. Hô hấp

- Dấu hiệu suy hô hấp: Không Có
- Tiếng thở bất thường: Không Có
- Nghe phổi: Bình thường Không bình thường

.....

4. Tim mạch

- Vị trí mỏm tim: Bình thường Không bình thường
- Mạch ngoại vi (mạch quay-bẹn): Bình thường Không bình thường
- Nghe tim (rối loạn nhịp tim, tiếng thổi): Không Có

.....

5. Bụng và cơ quan sinh dục

- Hình dáng bụng, rốn: Bình thường Không bình thường
- Gan, lách to: Không Có
- Khối bất thường: Không Có
- Cơ quan sinh dục ngoài: Bình thường Không bình thường

.....

6. Cơ xương và thần kinh

- Vận động không đối xứng: Không Có
- Trương lực cơ: Bình thường Không bình thường
- Phản xạ cơ: Bình thường Không bình thường
- Kiểm tra lưng: Bình thường Không bình thường
- Khám tứ chi và khớp: Bình thường Không bình thường
- Quan sát dáng đi: Bình thường Không bình thường

.....

KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN

Kết luận về sức khỏe:

- Bình thường.
- Có nguy cơ mắc lao (tiền sử tiếp xúc).
- Có vấn đề về sức khỏe.

Ghi rõ:

Tư vấn và hẹn khám lần sau:

MẪU 7- GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CHO TRẺ 19 - DƯỚI 24 THÁNG TUỔI

HÀNH CHÍNH		
1. Họ và tên (<i>In hoa</i>):		
2. Sinh ngày:	Sinh non: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Tuần thai khi sinh: ___ tuần <input type="checkbox"/> KB
3. Giới:	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	
4. Dân tộc:		
5. Nơi ở:		
6. Họ tên người đi cùng trẻ:		
7. Mối quan hệ với trẻ: <input type="checkbox"/> Cha <input type="checkbox"/> Mẹ <input type="checkbox"/> Ông/bà <input type="checkbox"/> Anh/chị <input type="checkbox"/> Họ hàng <input type="checkbox"/> Khác		
8. Tiền sử:		
- Bản thân:		
- Gia đình:		
- Tiền sử tiếp xúc với người bệnh lao: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN		
Nhiệt độ:.... độ C	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
Mạch:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
Nhịp thở:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường <input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG		
Chiều dài (cm).....Chiều dài/Tuổi:SD		
Cân nặng (kg).....Cân nặng/Tuổi:SD		
Chu vi vòng cánh tay (mm):		
Vòng đầu (cm):		
<input type="checkbox"/> Phù dinh dưỡng <input type="checkbox"/> Dấu hiệu thiếu máu <input type="checkbox"/> Dấu hiệu còi xương <input type="checkbox"/> Suy dinh dưỡng		
<input type="checkbox"/> Thừa cân, béo phì		
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN - VẬN ĐỘNG		
Hành vi và năng lực trẻ độ tuổi này thường làm được	Kết quả	
	Có	Không
- Chỉ được một vài bộ phận trên cơ thể	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Ăn bằng thìa mà ít rơi vãi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biết hợp tác với bố mẹ trong các hoạt động hàng ngày	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Trẻ bắt đầu tập chạy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nói được một vài từ ghép (2 từ) có ý nghĩa, có chủ đích (<i>uống nước, ăn cơm, đi chơi</i>)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Làm được yêu cầu 1 hoặc 2 hành động liên tiếp theo yêu cầu của người khác (<i>VD: bỏ cái bút vào cốc rồi đưa cho cô; hoặc lấy ô tô rồi đưa cho mẹ, vứt rác vào thùng rác</i>)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đi lùi 2 bước mà không cần trợ giúp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biết cho đồ vật vào hộp hoặc lọ có miệng nhỏ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG		
Kiểm tra sổ tiêm chủng	Có	Không
- Viêm gan B mũi 1 (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Lao (sơ sinh)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Uống vắc xin bại liệt lần 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tiêm vắc xin bại liệt IPV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Sởi đơn (9 tháng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Viêm não Nhật Bản mũi 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Viêm não Nhật Bản mũi 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 4 (18 tháng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Sởi- Rubella (MR - 18 tháng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khác (ghi rõ):		

Tư vấn:

KHÁM LÂM SÀNG

Quan sát: Nét mặt/tư thế/tỷ lệ, sự đối xứng với các bộ phận cơ thể/sự chuyển động của trẻ. Tìm dấu hiệu bệnh cấp hoặc mạn tính

- 1. Da** Bình thường Không bình thường
 Lòng bàn tay: Bình thường (không nhợt) Không bình thường (nhợt)

2. 2. Đầu - cổ

2.1. Khám đầu-cổ

- Thóp: Bình thường Không bình thường
 - Kích thước và hình dạng đầu: Bình thường Không bình thường
 - Khối bất thường: Có Không

2.2. Khám mắt

- Mí mắt và kết mạc: Bình thường Không bình thường
 - Rung giật nhãn cầu/lác/vận động mắt bất thường: Không Có
 - Đồng tử (kích thước, phản xạ): Bình thường Không bình thường

2.3. Khám tai

- Tai và màng nhĩ: Bình thường Không bình thường
 - Có khối sưng sau tai: Không Có
 - Dấu hiệu chảy mủ, nước tai: Không Có

2.4. Khám mũi họng

- Bình thường Không bình thường

2.5. Bất thường răng miệng

- Không Có

3. Hô hấp

- Dấu hiệu suy hô hấp: Không Có
- Tiếng thở bất thường: Không Có
- Nghe phổi: Bình thường Không bình thường

4. Tim mạch

- Vị trí mỏm tim: Bình thường Không bình thường
- Mạch ngoại vi (mạch quay-bẹn): Bình thường Không bình thường
- Nghe tim (rối loạn nhịp tim, tiếng thổi): Không Có

5. Bụng và cơ quan sinh dục

- Hình dáng bụng, rốn: Bình thường Không bình thường
- Gan, lách to: Không Có
- Khối bất thường: Không Có
- Cơ quan sinh dục ngoài: Bình thường Không bình thường

6. Cơ xương và thần kinh

- Vận động không đối xứng: Không Có
- Trương lực cơ: Bình thường Không bình thường
- Phản xạ cơ: Bình thường Không bình thường
- Kiểm tra lưng: Bình thường Không bình thường
- Khám tứ chi và khớp: Bình thường Không bình thường
- Quan sát dáng đi: Bình thường Không bình thường

KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN

Kết luận về sức khỏe:

- Bình thường.
- Có nguy cơ mắc lao (tiền sử tiếp xúc).
- Có vấn đề về sức khỏe.

Ghi rõ:

Tư vấn và hẹn khám lần sau:

MẪU 8- GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CHO TRẺ 2 - DƯỚI 6 TUỔI

HÀNH CHÍNH		
1. Họ và tên (<i>In hoa</i>):	<i>Mã định danh (CCCD):</i>	
2. Sinh ngày:	Sinh non: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Tuần thai khi sinh: ___ tuần <input type="checkbox"/> KB
3. Giới:	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	
4. Dân tộc:		
5. Nơi ở:	Trường lớp (nếu có):.....	
6. Họ tên người đi cùng trẻ:	Số điện thoại:.....	
7. Mối quan hệ với trẻ:	<input type="checkbox"/> Cha <input type="checkbox"/> Mẹ <input type="checkbox"/> Ông/bà <input type="checkbox"/> Anh/chị <input type="checkbox"/> Họ hàng <input type="checkbox"/> Khác	
8. Tiền sử:		
- Bản thân:		
- Gia đình:		
- Tiền sử tiếp xúc với người bệnh lao:	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN		
Nhiệt độ:.... độ C	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường
Mạch:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường
Nhịp thở:.....lần/phút	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không bình thường
ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG		
Chiều cao (cm).....	Chiều cao/Tuổi:SD	
Cân nặng (kg).....	Cân nặng/Tuổi:SD	
<input type="checkbox"/> Phù dinh dưỡng <input type="checkbox"/> Suy dinh dưỡng <input type="checkbox"/> Thừa cân, béo phì		
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN -VẬN ĐỘNG 2 - <3 TUỔI		
Hành vi và năng lực trẻ độ tuổi này thường làm được	Kết quả	
	Có	Không
- Thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp (<i>VD: lấy dép và đội mũ/cởi mũ, cởi giày và cất dép lên kệ</i>)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nhận biết các hình, đồ vật, bộ phận cơ thể theo yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nói được câu khoảng 4-5 từ; Biết nói tên, tuổi của trẻ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chơi các trò chơi bắt chước (<i>chơi nấu ăn, cho búp bê ăn,...</i>)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Vịn cầu thang để bước lên các bậc, nhảy bật lên phía trước bằng cả 2 chân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đứng một chân khoảng 1 giây mà không cần vịn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Cầm được bút vẽ đường thẳng, hình tròn; tô màu; cầm kéo cắt giấy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mở được nắp chai nước, vặn nắm cửa. Lật, mở từng trang sách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Trẻ có thể dùng muỗng, thìa để tự ăn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tập trung nghe nhạc hoặc nghe đọc truyện trong thời gian từ 5-10 phút	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN -VẬN ĐỘNG 3 - <4 TUỔI		
Hành vi và năng lực trẻ độ tuổi này thường làm được	Kết quả	
	Có	Không
- Thực hiện được yêu cầu làm 3 hoạt động không liên quan (<i>VD: cất đồ chơi vào thùng; đội mũ; đưa đồ vật cho bố mẹ</i>)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nói được câu dài, bắt đầu thích kể chuyện (<i>VD: Con đi chơi công viên; Con</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>muốn ôm mẹ)</i>		
- Hỏi và trả lời được nhiều câu hỏi (VD: Tại sao? Con muốn đi đâu? Con muốn ăn gì?)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biết so sánh và đưa ra sự khác biệt (to hơn- nhỏ hơn; đẹp hơn- xấu hơn)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đứng yên bằng 1 chân khoảng 5 giây; tự tin lên xuống cầu thang bằng 2 chân, nhảy lò cò	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Có thể cài hoặc mở khuy áo, kéo khoá kéo, rửa tay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Có thể cầm kéo, nặn, tô màu theo hình	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Trẻ tự ăn uống bằng thìa/ muỗng; có thể tự lấy thức ăn không làm rơi vãi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tự mặc và cởi quần áo không cần hỗ trợ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nói đúng được các thông tin của bản thân: tên, tuổi, tên bố mẹ; số điện thoại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Thể hiện cảm xúc rõ ràng và biết an ủi người khác khi họ buồn, lo lắng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN -VẬN ĐỘNG 4 - <5 TUỔI		
Hành vi và năng lực trẻ độ tuổi này thường làm được	Kết quả	
	Có	Không
- Có thể đếm to hoặc đếm bằng ngón tay khi được hỏi (VD: có bao nhiêu quả táo trên bàn)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nói những câu hoàn chỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biết ném và bắt bóng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Có thể nhảy lò cò bằng 1 chân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tự mặc và cởi quần áo không cần hỗ trợ nhiều	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hầu như luôn vâng lời người lớn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Có thể tách rời bố mẹ hoặc người chăm sóc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Kể lại được câu chuyện khi được nghe nhiều lần	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN -VẬN ĐỘNG 5 - <6 TUỔI		
Hành vi và năng lực trẻ độ tuổi này thường làm được	Kết quả	
	Có	Không
- Biết họ tên đầy đủ, tuổi, giới tính, địa chỉ nhà	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nói rõ ràng, sử dụng câu dài và kể lại sự việc chi tiết	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hiểu và làm theo nhiều hướng dẫn liên tiếp (4-5 bước)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nhận biết chữ cái, con số; có thể viết tên mình	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đếm được đến 20 trở lên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Vẽ người với nhiều chi tiết (tay, chân, quần áo, tóc...)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biết tự chăm sóc bản thân: mặc quần áo, đánh răng, buộc dây giày	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Vận động: chạy nhanh, nhảy xa, ném - bắt bóng tốt, đi thăng bằng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Biết chơi trò chơi tập thể, tuân thủ luật lệ, chờ đến lượt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG		
Kiểm tra sổ tiêm chủng	Có	Không
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván- Bại liệt (nhắc lại)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Sởi - Quai bị- Rubella (nhắc lại)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

.....

3. Hô hấp

- Dấu hiệu suy hô hấp: Không Có
 - Tiếng thở bất thường: Không Có
 - Nghe phổi: Bình thường Không bình thường
-

4. Tim mạch

- Vị trí mỏm tim: Bình thường Không bình thường
 - Mạch ngoại vi (mạch quay-bẹn): Bình thường Không bình thường
 - Nghe tim (rối loạn nhịp tim, tiếng thổi): Không Có
-

5. Bụng và cơ quan sinh dục

- Hình dáng bụng, rốn: Bình thường Không bình thường
 - Gan, lách to: Không Có
 - Khối bất thường: Không Có
 - Táo bón: Không Có
 - Tiêu chảy kéo dài: Không Có
 - Cơ quan sinh dục ngoài: Bình thường Không bình thường
-

6. Cơ xương và thần kinh

- Vận động không đối xứng: Không Có
 - Trương lực cơ: Bình thường Không bình thường
 - Phản xạ cơ: Bình thường Không bình thường
 - Kiểm tra lưng: Bình thường Không bình thường
 - Khám tứ chi và khớp: Bình thường Không bình thường
 - Quan sát dáng đi: Bình thường Không bình thường
-

KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN

Kết luận về sức khỏe:

- Bình thường.
- Có nguy cơ mắc lao (tiền sử tiếp xúc).
- Có vấn đề về sức khỏe.

Ghi rõ:

Tư vấn và hẹn khám lần sau:

MẪU 9- MẪU TRẮC NGHIỆM NGUY CƠ TỰ KỶ (M-CHAT-R)
(Áp dụng cho trẻ từ 16 - 30 tháng tuổi)

Họ tên trẻ:..... Nam/Nữ.

Ngày sinh:.....Tuổi:.....

Địa chỉ:.....

Ngày đánh giá:.....

Người đánh giá: Bố Mẹ Người chăm sóc khác:.....

Anh/chị hãy trả lời các câu hỏi dưới đây về những hành vi có thể gặp ở con mình.

Nếu hành vi nào xảy ra rất ít khi (chỉ thấy 1-2 lần) thì coi như không có.

Nội dung	Có	Không
1. Nếu bạn chỉ vào một điểm trong phòng, con bạn có nhìn theo không? (Ví dụ: nếu bạn chỉ vào đồ chơi hay con vật, con bạn có nhìn vào đồ chơi đó hay con vật đó không?)		
2. <i>Bạn có bao giờ tự hỏi liệu con bạn có bị điếc không?</i>		
3. Con bạn có chơi trò tưởng tượng hoặc giả vờ không? (Ví dụ: giả vờ uống nước từ một cái cốc rỗng, giả vờ nói chuyện điện thoại hay giả vờ cho búp bê, thú bông ăn)		
4. Con bạn có thích leo trèo lên đồ vật không? (Ví dụ: trèo lên đồ đạc trong nhà, đồ chơi ngoài trời hoặc leo cầu thang)		
5. <i>Con bạn có làm các cử động ngón tay một cách bất thường gần mắt của trẻ không? (Ví dụ: con bạn có vẫy/đưa qua đưa lại ngón tay gần mắt của trẻ)</i>		
6. Con bạn có dùng ngón tay trỏ để yêu cầu việc gì đó, hoặc để muốn được giúp đỡ không? (Ví dụ: chỉ vào bím bím hoặc đồ chơi ngoài tầm với)		
7. Con bạn có dùng một ngón tay để chỉ cho bạn thứ gì đó thú vị mà trẻ thích thú không? (Ví dụ: chỉ vào máy bay trên bầu trời hoặc một cái xe tải lớn trên đường)		
8. Con bạn có thích chơi với những đứa trẻ khác không? (Ví dụ: con bạn có quan sát những đứa trẻ khác, cười với những trẻ này hoặc tới chơi với chúng không?)		
9. Con bạn có khoe với bạn những đồ vật bằng cách cầm hoặc mang chúng đến cho bạn xem, không phải để được bạn giúp đỡ mà chỉ để chia sẻ với bạn không? (Ví dụ: khoe với bạn một bông hoa, thú bông hoặc một cái xe tải đồ chơi)		
10. Con bạn có đáp lại khi được gọi tên không? (Ví dụ: con bạn có ngược lên tìm người gọi, đáp chuyện hay bập bẹ, hoặc ngừng việc đang làm khi bạn gọi tên của trẻ?)		
11. Khi bạn cười với con bạn, con bạn có cười lại với bạn không?		
12. <i>Con bạn có cảm thấy khó chịu bởi những tiếng ồn xung quanh? (Ví dụ: con bạn có hét lên hay la khóc khi nghe tiếng ồn của máy hút bụi hoặc tiếng nhạc to?)</i>		
13. Con bạn có biết đi không?		
14. Con bạn có nhìn vào mắt bạn khi bạn đang nói chuyện với trẻ, chơi cùng trẻ hoặc mặc quần áo cho trẻ không?		

Nội dung	Có	Không
15. Con bạn có bắt chước những điều bạn làm không? (Ví dụ: vẫy tay bye bye, vỗ tay hoặc bắt chước tạo ra những âm thanh vui vẻ)		
16. Nếu bạn quay đầu để nhìn gì đó, con bạn có nhìn xung quanh để xem bạn đang nhìn cái gì không?		
17. Con bạn có gây sự chú ý để bạn phải nhìn vào trẻ không? (Ví dụ: con bạn có nhìn bạn để được bạn khen ngợi hoặc trẻ nói “nhìn” hay “nhìn con”)		
18. Con bạn có hiểu bạn nói gì khi bạn yêu cầu con làm không? (Ví dụ: Nếu bạn không chỉ tay, con bạn có hiểu “để sách lên ghế”, “đưa mẹ/bố cái chăn” không?)		
19. Nếu có điều gì mới lạ, con bạn có nhìn bạn để xem bạn cảm thấy thế nào về việc xảy ra không? (Ví dụ: nếu trẻ nghe thấy một âm thanh lạ hoặc thú vị, hay nhìn thấy một đồ chơi mới, con bạn có nhìn bạn không?)		
20. Con bạn có thích những hoạt động mang tính chất chuyển động không? (Ví dụ: được lắc lư hoặc nhún nhảy trên đầu gối của bạn)		
Tổng dấu hiệu nguy cơ		

Chú ý: Câu 2, 5, 12: câu trả lời “Có” là có ý nghĩa nguy cơ.

Cách chấm điểm:

- Các câu 2, 5, 12 nếu trả lời “Có” thì chấm 1 điểm, trả lời “Không” thì chấm 0 điểm.
- Các câu còn lại nếu trả lời “Có” thì chấm 0 điểm, trả lời “Không” thì chấm 1 điểm.

Tổng điểm/phiên giải nguy cơ:

- + 1-2 điểm: Trẻ có yếu tố nguy cơ thấp, quan sát thêm và đến 24 tháng tuổi đi kiểm tra lại.
- + Từ 3 điểm trở lên: Trẻ nên đi khám chuyên khoa.

MẪU 10

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GSKS-.....

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Ảnh
(4 x 6 cm) (đóng
dấu ráp lại hoặc
Scan ảnh

- Họ và tên (viết chữ in hoa):
- Giới tính: Nam Nữ ; 3. Sinh Ngày tháng năm; Tuổi:.....
- Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD :
- Cấp ngày...../...../..... Tại.....
- Chỗ ở hiện tại:.....
- Chỗ ở hiện tại:.....

* **Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.

8. Lý do khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH TẬT

1. Tiền sử gia đình

Có ai trong gia đình mắc các bệnh bẩm sinh hoặc bệnh truyền nhiễm không:

a) Không b) Có ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....
.....
.....

2. Tiền sử bản thân:

a) Sản khoa:

- Bình thường.

- Không bình thường: Đề thiếu tháng; Đề thừa cân; Đề có can thiệp; Đề ngạt; Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (Nếu có cần ghi rõ tên bệnh:

.....
.....
.....

b) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
3	Sởi			
4	Bại liệt			
5	Viêm não Nhật Bản B			

6	Viêm gan B			
7	Các loại khác			

c) Tiền sử bệnh/tật: (Các bệnh bẩm sinh và mãn tính)

- Không

- Có

Nếu "có": ghi cụ thể tên bệnh

.....

.....

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày..... tháng..... năm

Người đề nghị khám sức khỏe
(Hoặc cha/mẹ hoặc người giám hộ)
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao:..... cm; - Cân nặng:..... Kg;

- Chỉ số BMI:

- Mạch: lần/phút; - Huyết áp:...../..... mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nhi khoa	
a)	Tuần hoàn	
b)	Hô hấp	
c)	Tiêu hóa	
d)	Thận-Tiết niệu	
đ)	Thần kinh	
e)	Tâm thần	
g)	Khám lâm sàng khác	
2.	Mắt:	

<i>Kết quả khám thị lực:</i> Không kính: Mắt phải..... Mắt trái..... Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....	
<i>Các bệnh về mắt (nếu có):</i>	

3. Tai - Mũi - Họng	
<i>Kết quả khám thính lực:</i>	
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m	
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m	
<i>Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):</i>	

4. Răng - Hàm - Mặt	
<i>Kết quả khám:</i>	
Hàm trên:	
Hàm dưới:	
<i>Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):</i>	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: Kết quả:	

IV. KẾT LUẬN CHUNG:

Sức khỏe bình thường:

.....

Hoặc các vấn đề sức khỏe cần lưu ý:

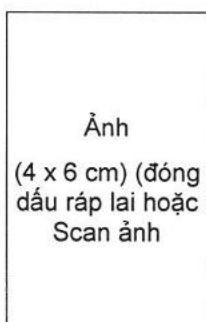
.....

..... ngày..... tháng.... năm.....
NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

MẪU 11

MẪU SỐ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ



1. Họ và tên (viết chữ in hoa):
2. Giới tính: Nam Nữ
3. Sinh Ngày tháng năm (Tuổi:.....)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD :
5. Cấp ngày...../...../..... Tại.....
6. Chỗ ở hiện tại:.....;
- Số điện thoại liên hệ:

* **Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Nghề nghiệp:

8. Nơi công tác, học tập:

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay:..... /..... /

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) thời gian làm việc... năm..... tháng từ ngày/...../..... đến..... /..... /

b) thời gian làm việc... năm..... tháng từ ngày/...../..... đến..... /..... /

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:

.....
.....
.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

..... ngày..... tháng.... năm.....
Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....
.....
.....
.....
.....

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

--	--

- Tính chất kinh nguyệt: Thường Không đều

Chu kỳ kinh:

--	--

 ngày

Lượng kinh:

--	--

 ngày

Đau bụng kinh: Có Không

- Đã lập gia đình: Có Chưa

- PARA:

--	--	--	--

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có Ghi rõ: Chưa

- Có đang áp dụng BPTT không? Có Ghi rõ: Không

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao:cm; Cân nặng:..... Kg; Chỉ số BMI:

Mạch:..... lần/phút; Huyết áp:..... /.....mmHg

Phân loại thể lực:

.....

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
phải khám đầy đủ các nội dung theo chuyên khoa để khẳng định có/hay không có bệnh, tật theo quy định tại Quyết định...		
1. Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	
	Phân loại	
b)	Hô hấp	
	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	
	Phân loại	
d)	Thận-Tiết niệu	
	Phân loại	
đ)	Nội tiết	
	Phân loại	
e)	Cơ - xương - khớp	
	Phân loại	

g)	Thần kinh		
	Phân loại		
h)	Tâm thần		
	Phân loại		
Ngoại khoa, Da liễu:			
- Ngoại khoa:.....			
2.	Phân loại:		
- Da liễu:.....			
Phân loại:			
3.	Sân phụ khoa: Chi tiết nội dung khám theo danh mục tại phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư này.		
Phân loại:			
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có):			
Phân loại:			
5.	Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
Phân loại:			
6.	Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:			
Hàm trên:			
.....			
Hàm dưới:			
.....			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			
Phân loại			

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

* Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:	
a) Kết quả:	
.....	
.....	
.....	

b) Đánh giá:	
.....	
.....	

V. KẾT LUẬN

- 1. Phân loại sức khỏe:¹
- 2. Các bệnh, tật (nếu có):²
-
-

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Phân loại sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế² Ghi rõ các bệnh, tật, phương án điều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa để khám bệnh, chữa bệnh (nếu có).